TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI
Bản án số 04/2018/DS-ST;
Ngày 19-03-2018
V/v: "Kiện đòi tài sản"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh Hương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lục Văn Vãn
2. Bà Vũ Thị Hòa.

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Anh – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố L tham gia phiên toà: Bà Lò Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 19/03/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2017/TLST – DS ngày 18 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Kiện đòi tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐST - DS ngày 12 tháng 02 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2018 ngày 27/02/2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Công ty H
Địa chỉ: Số 070, đường N, phường C, Thành phố L, tỉnh Lào Cai.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy L- Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng: Ông Lương Quốc N- kế toán. Theo giấy ủy quyền ký ngày 23/10/2017.
Địa chỉ: Tổ 26, phường B, Thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Chị Tạ Kiều Q
Địa chỉ: Số nhà 067, đường D, phường D, Thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 02/6/2015 Công ty H và chị Tạ Kiều Q có ký hợp đồng mua bán xe ô tô số 104/2015/HĐKT- MB về việc chị Tạ Kiều Q có mua 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda BT50 3.2 Lat, số khung MM7UP4DFXFW 232747, số máy P5AT1131648, màu vàng 34E với giá trị hợp đồng là: 750.000.000đ (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).Về phương thức thanh toán theo hợp đồng thì chị Tạ Kiều Q phải thanh toán là 3 lần:

Lần 1: Chị Tạ Kiều Q phải thanh toán số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng)

Lần 2: Chị Tạ Kiều Q phải thanh toán số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Lần 3: Chị Tạ Kiều Q phải thanh toán số tiền là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng)

Sau khi ký kết hợp đồng mua bán thì chị Tạ Kiều Q được bên Công ty H giảm trừ khuyến mại thì tổng số tiền mà chị Tạ Kiều Q phải thanh toán còn là : 748.000.000đ (Bảy trăm bốn mươi tám triệu đồng chẵn).

Quá trình sử dụng xe chị Tạ Kiều Q đã đưa ô tô vào xưởng của Công ty H để sửa chữa sơn, gò và phải thanh toán số tiền là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng chị Tạ Kiều Q không thanh toán và đề nghị nghi vào cùng khoản nợ mua xe ô tô.

Tại các biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ giữa Công ty H và chị Tạ Kiều Q ký kết đã thống nhất các lần trả nợ cộng thêm khoản tiền chị Tạ Kiều Q đưa xe vào xưởng của Công ty H để sửa chữa thì chị Tạ Kiều Q đã thanh toán cho Công ty H được số tiền là 575.600.000đ (Năm trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) Số tiền còn nợ lại là: 231.574.833đ (Hai trăm ba mươi mốt triệu năm trăm bảy tư nghìn tám trăm ba ba đồng). và chị Tạ Kiều Q cam kết sẽ thanh toán hết số tiền còn nợ lại cho Công ty TNHH cơ khí Huy Long vào ngày 16/7/2016 nhưng đến ngày trả nợ chị Tạ Kiều Q cũng không thanh toán cho Công ty H số tiền còn nợ lại như đã cam kết trong giấy xác nhận nợ ngày 16/6/2016. Đến ngày 24/1/2017 chị Tạ Kiều Q mới chuyển khoản trả cho Công ty H được số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Số tiền chị Tạ Kiều Q còn nợ của Công ty H là 181.574.833đ (Một trăm tám mươi mốt triệu năm trăm bảy tư nghìn tám trăm ba mươi ba đồng chẵn) Tại các biên bản đối chiếu và nhận nợ giữa Công ty H và chị Tạ Kiều Q thì xác định số tiền chị Tạ Kiều Q đã trả được cho Công ty H là trên 50% giá trị hợp đồng cần thanh toán, theo như điều khoản của hợp đồng mà hai bên ký kết thì nếu bên Công ty H chưa nhận đủ giá trị của hợp đồng thì xe vẫn thuộc quyền sở hữu và toàn quyền định đoạt của bên Công ty H, nhưng đến nay Công ty H không đòi lại chiếc xe mà chị Tạ Kiều Q đã mua theo hợp đồng mua bán xe ô tô mà Công ty H làm đơn khởi kiện yêu cầu chị Tạ Kiều Q phải trả số tiền còn nợ theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 16/06/2016. Kể từ ngày chị Tạ Kiều Q chuyển khoản trả tiếp cho Công ty H được 50.000.000đ thì chị Tạ Kiều Q không trả nữa. Mặc dù Công ty H đã nhiều lần đến tận nhà để nhắc nhở nhưng chị Tạ Kiều Q thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên Công ty H có gửi phiếu gửi yêu cầu chị Tạ Kiều Q trả nợ bằng đường bưu điện nhưng chị Tạ Kiều Q vẫn không trả.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, đề nghị tòa án giải quyết buộc chị Tạ Kiều Q phải thanh toán cho Công ty H số tiền còn nợ là : 181.574.833đ (Một trăm tám mươi mốt triệu năm trăm bảy tư nghìn tám trăm ba mươi ba đồng chẵn).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố L tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 166- Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Tạ Kiều Q phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền còn nợ là: 181.574.833đ (Một trăm tám mươi mốt triệu năm trăm bảy tư nghìn tám trăm ba mươi ba đồng) cho nguyên đơn Công ty H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân Thành phố L đã ra thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để tống đạt cho chị Tạ Kiều Q nhưng không tống đạt được cho chị Tạ Kiều Q với lý do chị Tạ Kiều Q thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Tại biên bản xác minh ngày 20/10/2017 được bà Hoàng Thị X là tổ trưởng tổ dân phố nơi chị Tạ Kiều Q cư trú cho biết: Chị Tạ Kiều Q có cư trú tại tổ 8, Phường D,Thành phố L nhưng chị Tạ Kiều Q đi làm ăn xa không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú. Tòa án nhân dân Thành phố L đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của tòa án đối với bị đơn chị Tạ Kiều Q theo đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Tạ Kiều Q vắng mặt, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai .Vì vậy,Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 288 - Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Chị Tạ Kiều Q có nhu cầu mua xe ô tô về để sử dụng đã đề nghị Công ty H cho mua xe trả góp.Vì vậy Công ty H và chị Tạ Kiều Q đã ký hợp đồng mua bán xe ô tô số: 104/2015/HĐKT- MB ngày 02/06/2015, tài sản mà chị Tạ Kiều Q có nhu cầu sử dụng là:

01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda BT50 3.2 Lat, số khung MM7UP4DFXFW 232747, số máy P5AT1131648, màu vàng 34E với giá trị hợp đồng là: 750.000.000đ (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Về phương thức thanh toán theo hợp đồng thì chị Tạ Kiều Q phải thanh toán là 3 lần:

Lần 1: Chị Tạ Kiều Q phải thanh toán số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng)

Lần 2: Chị Tạ Kiều Q phải thanh toán số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Lần 3: Chị Tạ Kiều Q phải thanh toán số tiền là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng)

Sau khi ký kết hợp đồng mua bán thì chị Tạ Kiều Q được bên Công ty H giảm trừ khuyến mại thì tổng số tiền mà chị Tạ Kiều Q phải thanh toán còn là : 748.000.000đ (Bảy trăm bốn mươi tám triệu đồng chẵn).

Quá trình sử dụng xe chị Tạ Kiều Q đã đưa ô tô vào xưởng của Công ty H để sửa chữa sơn, gò và phải thanh toán số tiền là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng chị Tạ Kiều Q không thanh toán và đề nghị ghi vào cùng khoản nợ mua xe ô tô.

Tại các biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ giữa Công ty H và chị Tạ Kiều Q ký kết đã thống nhất các lần trả nợ cộng thêm khoản tiền chị Tạ Kiều Q đưa xe vào xưởng của Công ty H để sửa chữa thì chị Tạ Kiều Q đã thanh toán cho Công ty H được số tiền là 575.600.000đ (Năm trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) Số tiền còn nợ lại là: 231.574.833đ (Hai trăm ba mươi mốt triệu năm trăm bảy tư nghìn tám trăm ba ba đồng). và chị Tạ Kiều Q cam kết sẽ thanh toán hết số tiền còn nợ lại cho Công ty TNHH cơ khí Huy Long vào ngày 16/7/2016 nhưng đến ngày trả nợ chị Tạ Kiều Q cũng không thanh toán cho Công ty H số tiền còn nợ lại như đã cam kết trong giấy xác nhận nợ ngày 16/6/2016. Đến ngày 24/1/2017 chị Tạ Kiều Q mới chuyển khoản trả tiếp cho Công ty H được số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Số tiền chị Tạ Kiều Q còn nợ của Công ty H là 181.574.833đ (Một trăm tám mươi mốt triệu năm trăm bảy tư nghìn tám trăm ba mươi ba đồng chẵn).

Tại hợp đồng mua bán xe ô tô số 104/2015/HĐKT- MB thì tại điều 7 của hợp đồng có thỏa thuận về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng mà hai bên ký kết. Trong thời gian bên Công ty H chưa nhận đủ giá trị của hợp đồng, xe vẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty H và do bên Công ty H toàn quyền định đoạt nhưng đến nay Công ty H xác định là toàn bộ giấy tờ của chiếc xe ô tô đã được Công ty H bàn giao cho chị Tạ Kiều Q và chị Tạ Kiều Q đã là chủ sở hữu của chiếc xe ô tô trên. Vì vậy Công ty H xác định tại các biên bản đối chiếu và nhận nợ giữa Công ty H và chị Tạ Kiều Q thì số tiền chị Tạ Kiều Q đã trả được cho Công ty H số tiền trên 50% giá trị hợp đồng cần thanh toán. Nay Công ty H không đòi lại chiếc xe theo hợp đồng số 104/2015/HĐKT- MB về việc mua bán xe nữa mà yêu cầu chị Tạ Kiều Q phải thanh toán số tiền còn nợ là 181.574.833đ (Một trăm tám mươi mốt triệu năm trăm bảy tư nghìn tám trăm ba mươi ba đồng chẵn).Do đó xác định nguyên đơn Công ty H khởi kiện về việc " Kiện đòi tài sản" là phù hợp theo quy định của Điều 164, Điều 166- Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty H khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Tạ Kiều Q phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền nợ là: 181.574.833đ (Một trăm tám mươi mốt triệu năm trăm bảy tư nghìn tám trăm ba mươi ba đồng) .Tại phiên Tòa và tại bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu chị Tạ Kiều Q phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ là 181.574.833đ (Một trăm tám mươi mốt triệu năm trăm bảy tư nghìn tám trăm ba mươi ba đồng)là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Tạ Kiều Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.Hoàn trả cho Công ty H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 164; Điều 166 - Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 điều 147 – Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty H buộc bị đơn chị Tạ Kiều Q phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền còn nợ là: 181.574.833đ (Một trăm tám mươi mốt triệu năm trăm bảy tư nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền ở trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo qui định tại Điều 357- Bộ Luật dân sự.

2.Về án phí: Công ty H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền 5.357.800đ (Năm triệu ba trăm lăm bảy nghìn tám trăm đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004657ngày 18/10/2017của Thi hành án dân sự Thành phố L.

Chị Tạ Kiều Q phải chịu 9.078.000đ(Chín triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TP Lào Cai;
- Đương sự(2);
- THA DS;
- Lưu TA,VP,HS.
- Niêm yết

Đỗ Thị Thanh Hương